

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày: 10 – 6 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

2. Ông **Phan Văn Chiếu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S**, sinh năm 1967. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đặng Thị Bích Tr**, sinh năm 1978. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Bạc Liêu; Địa chỉ: đường T, phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Bích Tr: Anh **Võ Phong P**, sinh năm 1986. Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch P; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2019 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Võ Phong P trình bày:**

Vào ngày 11/9/2017, anh Nguyễn Hoàng H có ký hợp đồng tín dụng số HDTD92020171772 với Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Bạc Liêu để vay số tiền 50.000.000đ với mục đích tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm, thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 13/9/2017 đến hết ngày 12/9/2022). Thỏa thuận số tiền gốc phải trả từ kỳ 01 đến kỳ 59 là 840.000 đồng/kỳ, kỳ 60 là 440.000 đồng, nợ gốc và lãi được trả cố định vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả gốc và lãi đầu tiên vào ngày 15/10/2017. Đến ngày 12/9/2017, Ngân hàng TMCP B đã giải ngân cho anh H bằng hình thức nhận tiền mặt theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số KU92020171772/01. Từ ngày 15/11/2018, anh H không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng theo như thỏa thuận. Sau đó đến ngày 17/12/2018 và ngày 15/02/2019 anh H có đến trả được một phần nợ gốc và lãi. Tính đến ngày 15/02/2019 thì anh H đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 13.440.107 đồng và tiền lãi là 7.490.135 đồng. Từ ngày 15/02/2019 cho đến nay, anh H không trả nợ cho Ngân hàng theo như thỏa thuận.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hoàng H phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 10/6/2020 là 43.646.315 đồng (trong đó nợ gốc là 36.559.893 đồng, lãi trong hạn là 5.949.972 đồng, lãi quá hạn là 763.120 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 373.330 đồng). Đồng thời kể từ ngày 11/6/2020, anh H phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

*** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Hoàng H trình bày:**

Anh thừa nhận anh có vay tiền của Ngân hàng TMCP B và hiện còn nợ Ngân hàng nhưng Ngân hàng yêu cầu là đúng. Anh đồng ý trả hết cho Ngân hàng phần nợ mà anh đã vi phạm hợp đồng, phần còn lại anh xin trả hàng tháng cho Ngân hàng theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD92020171772 ngày 11/9/2017 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số KU92020171772/01 ngày 12/9/2017 mà anh đã ký kết với Ngân hàng. Anh xác định đây là nợ riêng của anh và anh đồng ý trả nợ cho Ngân hàng TMCP B.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần B. Buộc anh Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ gốc vay là 36.559.893 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.949.972 đồng, nợ lãi quá hạn là 763.120 đồng, nợ lãi phạt chậm trả lãi là 373.330 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi anh H trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại hợp đồng từ ngày 11/6/2020 cho đến khi tất toán.

Anh H phải chịu án phí 2.182.315 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hoàng H trả số tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, anh H đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh P và anh H là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện: Theo hợp đồng tín dụng số HDTD92020171772 ngày 11/9/2017, Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Bạc Liêu đã cho anh H vay số tiền 50.000.000đ với mục đích tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm, thời hạn vay là 60 tháng. Ngày 12/9/2017, Ngân hàng TMCP B đã giải ngân cho anh H bằng hình thức nhận tiền mặt theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số KU92020171772/01, anh H đã nhận đủ tiền vay và ký tên. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2020, anh H thừa nhận có vay tiền và hiện còn nợ Ngân hàng TMCP B như Ngân hàng yêu cầu. Sự thừa nhận của anh H là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Theo hợp đồng thì anh Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ phải trả số tiền vốn vay trong 60 kỳ tính từ ngày 15/10/2017 đến ngày 12/9/2022 và lãi được trả cố định vào ngày 15 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh H đã trả được số tiền gốc là số tiền gốc là 13.440.107 đồng và tiền lãi là 7.490.135 đồng. Từ ngày 15/02/2020 anh H không trả nợ theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay về “Thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn cho bên cho vay” quy định tại khoản 9.4 Điều 9 của hợp đồng tín dụng. Do đó, nay Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu anh H phải trả phần nợ gốc còn lại và lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 7 của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Mặt khác, anh H cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

[5] Anh H vay số tiền 50.000.000đ đã trả được số tiền gốc vay là 13.440.107 đồng. Do đó, buộc anh H có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên trả số tiền gốc vay còn lại là 36.559.893 đồng. Đối với lãi theo hợp đồng tín dụng thì lãi suất trong hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm. Anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/02/2019. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu anh H phải tiền lãi trong hạn là 5.949.972 đồng, lãi quá hạn là 763.120 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 373.330 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền còn nợ tính đến ngày 10/6/2020 là 43.646.315 đồng (trong đó nợ gốc là 36.559.893 đồng, nợ lãi trong hạn là

5.949.972 đồng, nợ lãi quá hạn là 763.120 đồng, nợ lãi phạt chậm trả lãi là 373.330 đồng).

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B. Buộc anh Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền số tiền 43.646.315 đồng (trong đó nợ gốc là 36.559.893 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.949.972 đồng, nợ lãi quá hạn là 763.120 đồng, nợ lãi phạt chậm trả lãi là 373.330 đồng).

Kể từ ngày 11/6/2020 anh Nguyễn Hoàng H còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc cho đến khi trả xong nợ Ngân hàng với mức lãi suất được thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số HDTD92020171772 ngày 11/9/2017 của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.182.000đ. Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP B đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 960.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004554 ngày 23/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly